

Số: DBLU_23/15h30/DBQG

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2024

**TIN LŨ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG CẦU, SÔNG THƯƠNG, SÔNG LỤC
NAM, SÔNG HOÀNG LONG VÀ SÔNG THÁI BÌNH
TIN LŨ TRÊN SÔNG THAO, SÔNG LÔ VÀ SÔNG HỒNG**

1. Hiện trạng diễn biến lũ đã qua

- Lũ trên sông Cầu (tỉnh Bắc Ninh) đang dao động ở mức đỉnh lũ 7,73m, trên báo động (BD)3 1,43m, dưới mức nước lũ lịch sử năm 1971 (7,84m) 0,11m.

- Lũ trên sông Thương (tỉnh Bắc Giang) đang dao động ở mức đỉnh lũ 7,21m, trên báo động (BD)3 0,91m, dưới mức nước lũ lịch sử năm 1986 (7,53m) 0,32m.

- Lũ trên sông Thái Bình (Thành phố Hải Dương) đang lên chậm.

- Lũ trên sông Hoàng Long (tỉnh Ninh Bình) đang lên chậm.

- Lũ trên sông Hồng (Thành phố Hà Nội) đã đạt đỉnh ở mức 11,30m lúc 2h/12/9, dưới BD3 0,20m và đang xuống.

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái đang xuống.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang đang xuống.

- Lũ trên sông Lục Nam (tỉnh Bắc Giang) đang biến đổi chậm.

Mức nước lúc 13h/12/9, trên các sông như sau:

- Trên sông Thao tại Yên Bái 31,21m, trên BD2 0,21m;

- Trên sông Cầu tại Đáp Cầu 7,72m, trên BD3 1,42m;

- Trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương 7,21m, trên BD3 0,91m;

- Trên sông Lục Nam tại Lục Nam 6,34m, trên BD3 0,04m;

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang 23,80m, dưới BD2 0,20m; tại Vụ Quang 19,83m, trên BD2 0,33m.

- Trên sông Hoàng Long tại Bến Đé 4,88m, trên BD3 0,88m;

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại 6,22m, trên BD3 0,22m;

- Trên sông Hồng tại Hà Nội 11,02m, dưới BD3 0,47m.

2. Dự báo:

Trong 12 giờ tới:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống dưới mức BD2.

- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang xuống mức BD1 và Vụ Quang sẽ xuống trên mức BD1.

- Lũ trên sông Cầu tiếp tục dao động ở mức đỉnh trên mức BD3.

- Lũ trên sông Thương tiếp tục dao động ở mức đỉnh trên mức BD3

- Lũ trên sông Lục Nam sẽ biến đổi chậm ở mức BD3.

- Lũ trên sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm ở trên mức BD3.

- Lũ trên sông Hoàng Long đang lên chậm trên mức BD3.

- Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội tiếp tục xuống mức BĐ2.

Trong 12- 24 giờ tiếp theo:

- Lũ trên sông Thao tại Yên Bái tiếp tục xuống dưới mức BĐ1.
- Lũ trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ xuống mức BĐ1.
- Lũ trên sông Cầu sẽ xuống chậm nhưng vẫn trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thương sẽ xuống chậm nhưng vẫn trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Lục Nam sẽ xuống chậm nhưng vẫn trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Thái Bình sẽ biến đổi chậm ở trên mức BĐ3.
- Lũ trên sông Hoàng Long sẽ xuống chậm ở trên mức BĐ3.

- Lũ trên sông Hồng tại Hà Nội sẽ xuống chậm dưới mức BĐ2 và ở trên BĐ1.

(Chi tiết mực nước thực đo, dự báo các điểm trong Phụ lục 1).

Cảnh báo: Trong 24 giờ tới, mực nước các trạm hạ lưu hệ thống sông Hồng- Thái Bình lên mức BĐ3 và trên BĐ3. Mực nước lũ lên cao gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bãi bồi ngoài đê chính, gây tràn vỡ các đê bồi ven sông, sạt lở đê, kè có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến các vị trí xung yếu ven sông thuộc các tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Ninh Bình.

3. Cảnh báo nguy cơ ngập lụt, khả năng xảy ra các thiên tai khác đi kèm

Tình trạng ngập lụt có thể xảy ra tại các vùng trũng, vùng thấp ven sông tại các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hải Dương; lũ quét và sạt lở đất trên các sườn dốc ở khu vực vùng núi Bắc Bộ *(thông tin dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất thời gian thực được cung cấp trực tuyến trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Khí tượng Thủy văn tại địa chỉ: <http://luquetsatlo.nchmf.gov.vn/> và trong bản tin riêng cảnh báo lũ quét, sạt lở đất).*

(Chi tiết huyện có nguy cơ ngập lụt trong Phụ lục 2).

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 3

5. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ trên các sông, suối lên gây ngập lụt tại các vùng trũng thấp ven sông, bờ bãi ven sông bị nước xâm lấn, nhiều diện tích bãi nổi giữa sông bị ngập sâu. ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp dân sinh và các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt tại hạ lưu sông Hồng-Thái Bình.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 21h00 ngày 12/9/2024

Tin phát lúc: 15h30

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hoàng Văn Đại

Phụ lục 1. Bảng trị số mực nước thực đo và dự báo

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									
			13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	1h/14/9	07h/14/9	13h/14/9	H đỉnh	Thời gian xuất hiện
Thao	Yên Bái	H (cm)	3121	3100	3070	3050	3010						
		So sánh (cm)	>BĐ2 21	BĐ2	<BĐ2 30	>BĐ1 50	>BĐ1 10						
Cầu	Đáp Cầu	H (cm)	772	780	775	770	760						
		So sánh (cm)	>BĐ3 142	>BĐ3 150	>BĐ3 145	>BĐ3 140	>BĐ3 130						
Thương	Phủ Lạng Thương	H (cm)	721	720	715	710	700						
		So sánh (cm)	>BĐ3 91	>BĐ3 90	>BĐ3 85	>BĐ3 80	>BĐ3 70						
Lục Nam	Lục Nam	H (cm)	634	640	635	630	620						
		So sánh (cm)	>BĐ3 4	>BĐ3 10	>BĐ3 5	BĐ3	<BĐ3 10						
Thái Bình	Phả Lại	H (cm)	622	625	630	630	625	620	610			640	Đêm ngày 12/9
		So sánh (cm)	>BĐ3 22	>BĐ3 25	>BĐ3 30	>BĐ3 30	>BĐ3 25	>BĐ3 20	>BĐ3 10			>BĐ3 40	
Lô	Tuyên Quang	H (cm)	2380	2340	2270	2180	2080						
		So sánh (cm)	<BĐ2 20	<BĐ2 60	>BĐ1 70	<BĐ1 20	<BĐ1 120						
	Vụ Quang	H (cm)	1983	1910	1830	1700	1620						
		So sánh (cm)	>BĐ2 33	<BĐ2 40	BĐ1	<BĐ1 130	<BĐ1 210						
Hoàng Long	Bến Đé	H (cm)	488	515	520	510	495					520	Đêm ngày 12/9
		So sánh (cm)	>BĐ3 88	>BĐ3 115	>BĐ3 120	>BĐ3 110	>BĐ3 95					>BĐ3 120	

Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo	Dự báo									H đỉnh	Thời gian xuất hiện
			13h/12/9	19h/12/9	01h/13/9	07h/13/9	13h/13/9	19h/13/9	1h/14/9	07h/14/9	13h/14/9			
Hong	Hà Nội	H (cm)	1102	1080	1050	1020	980	960	930	890	850			
		So sánh (cm)	<BĐ3 48	>BĐ2 30	BĐ2	<BĐ2 30	>BĐ1 30	>BĐ1 10	<BĐ1 20	<BĐ1 60	<BĐ1 100			

Phụ lục 2. Nguy cơ ngập lụt ở các vùng trũng, thấp tại các Quận/ huyện

TT	Tỉnh	Quận/Huyện có nguy cơ ngập lụt
1	Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang, Hiệp Hòa, Việt Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang, Lục Nam
2	Thái Nguyên	Tp. Thái Nguyên, Tp. Sông Công, Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, Tx. Phổ Yên
3	Bắc Ninh	Thành phố Bắc Ninh, Yên Phong,
4	Phú Thọ	Tân Sơn, Thanh Sơn, Tam Nông, Yên Lập, Hạ Hòa, Thanh Ba, Cẩm Khê, Lâm Thao, Đoan Hùng.
6	Tuyên Quang	Hàm Yên, Chiêm Hóa, Thành phố Tuyên Quang, Yên Sơn, Sơn Dương
7	Hà Nội	Tây Hồ, Long Biên, Hoàn Kiếm, Gia Lâm, Thanh Oai, Chương Mỹ, Ứng Hòa, Sóc Sơn, Đông Anh
8	Ninh Bình	Nho Quan, Gia Viễn, Yên Khánh
9	Hải Dương	Thanh Hà, Kinh Môn, Nam Sách, Tứ Kỳ, Thanh Miện, Ninh Giang, Chí Linh, thành phố Chí Linh, thành phố Hải Dương
10	Thái Bình	Hung Hà, Vũ Thư, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, thành phố Thái Bình
11	Nam Định	Thành phố Nam Định, Ý Yên, Vụ Bản, Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy
12	Hà Nam	Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, Thanh Liêm
13	Vĩnh Phúc	Yên Lạc, Lập Thạch